

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN NĂM 2024

Luật Phòng không nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27/11/2024; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 25/2024/L-CTN ngày 02/12/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG ĐOÀN¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Những năm qua Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận phòng không nhân dân (sau đây viết tắt là PKND) trên từng hướng, từng khu vực phòng thủ; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc trong tình hình mới, trong đó có vai trò quan trọng của lực lượng PKND, nhằm phòng ngừa, xử lý có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh trên không; chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, cụ thể: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW²; Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020³; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới⁴; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày

¹ Tờ trình số 86/TTr-CP ngày 10/3/2024 của Chính phủ về dự án Luật Phòng không nhân dân.

² Xác định quan điểm: Xây dựng và tổ chức hoạt động của khu vực phòng thủ bằng sức mạnh tổng hợp, do toàn dân tham gia, các lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Phát huy sức mạnh tại chỗ để chủ động, đủ sức tự xử lý thắng lợi các tình huống về quốc phòng, an ninh xảy ra trên địa bàn; thực hiện xã hội hóa, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh...

³ Hoàn thiện pháp luật về quốc phòng, an ninh theo hướng thể chế hoá sâu sắc hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực, củng cố quốc phòng, an ninh; hoàn thiện cơ sở pháp lý nâng cao năng lực bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

⁴ Với mục tiêu tổng quát là "...có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân..."

24/11/2023 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới⁵.

Tại các Nghị quyết, Kết luận trên của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đề ra chủ trương, biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động của khu vực phòng thủ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thể trận khu vực phòng thủ, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. PKND là một bộ phận của nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương. Thể trận PKND là một bộ phận cấu thành, không tách rời trong khu vực phòng thủ. Hoạt động tác chiến PKND là nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam đã được vận dụng hiệu quả trong chiến tranh giải phóng đất nước của dân tộc ta; ngày nay, các phương án tác chiến mới trong chiến tranh hiện đại, tiến công đường không và phòng chống tiến công đường không trở thành yêu cầu hết sức quan trọng, quyết định đến thành bại trong cục diện chiến trường. Do đó, việc thực hiện đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, nghệ thuật quân sự Việt Nam trong các Nghị quyết, Kết luận trên là trực tiếp góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động PKND.

Bên cạnh đó, có nhiều văn bản pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể có quy định liên quan đến hoạt động PKND như Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Dân quân tự vệ, Luật Lực lượng dự bị động viên, Luật Phòng thủ dân sự, Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Nhưng các văn bản này chỉ mới quy định những vấn đề khung mang tính nguyên tắc liên quan đến hoạt động PKND, mà chưa gắn chặt, sát với nhiệm vụ PKND, nên đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải tạo lập khung pháp lý đầy đủ, toàn diện cho hoạt động PKND.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Trong chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, địch đã sử dụng nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại, cùng với nhiều loại bom, đạn có sức hủy diệt lớn, nhằm phá hoại tiềm lực, ý chí, quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân miền Bắc đã chủ động, tích cực tổ chức các hoạt động

⁵ *Xác định quan điểm chỉ đạo “...thực hiện hiệu quả đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân với phương châm dựa vào dân “dân là gốc”; xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc...; ...tăng cường đầu tư xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống”; với mục tiêu cụ thể “... kiên quyết, kiên trì, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”*

PKND, nổi bật là xây dựng thể trận PKND rộng khắp, liên hoàn, vững chắc cả trên không, trên mặt đất và vận dụng chặt chẽ hai phương thức cơ bản là chủ động phòng, tránh bảo toàn tiềm lực đất nước, duy trì mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội trong điều kiện chiến tranh và kiên quyết chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch, làm hạn chế tối đa các hoạt động đánh phá của chúng, góp phần hết sức quan trọng vào thắng lợi của hai cuộc chống chiến tranh phá hoại miền Bắc.

b) Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, PKND là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, tổ chức hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thể trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh địch đột nhập, tiến công đường không và phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả do địch tiến công đường không gây nên; bảo vệ Đảng, chính quyền, tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, tính mạng và tài sản của Nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, lực lượng PKND đã từng bước được củng cố về tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị kỹ thuật; lực lượng nòng cốt PKND thường xuyên duy trì nền nếp huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng thể trận phòng không liên hoàn, rộng khắp, vững chắc, có chiều sâu, bảo vệ vững chắc vùng trời của Tổ quốc.

c) Trước sự phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, các loại vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo với ưu việt nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ chiến thuật. Đối với nước ta trong những năm qua, việc khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ vào các lĩnh vực đời sống xã hội tương đối phổ biến, đa dạng. Tuy nhiên, các vụ việc vi phạm của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ ngày càng diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa đến quốc phòng, an ninh, uy hiếp đến an toàn hàng không. Để ứng phó kịp thời, hiệu quả với các nguy cơ do tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ vi phạm gây ra hoặc sử dụng để chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động, đặc biệt là thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, việc xây dựng lực lượng PKND vững mạnh, rộng khắp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải triển khai nhiều giải pháp đồng bộ; trong đó có việc khẩn trương hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với công tác PKND là cần thiết.

d) Qua nghiên cứu các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang gần đây trên thế giới cho thấy, tiến công đường không đang là phương thức tác chiến chủ yếu, nhằm phá hủy tiềm lực kinh tế - chính trị, làm suy giảm ý chí chiến đấu của đối phương, tiến tới gây sức ép để nhanh chóng đạt mục đích của cuộc

chiến tranh. Bên cạnh đó các quốc gia trên thế giới đã và đang nghiên cứu, chế tạo, sử dụng trong hoạt động quân sự như một lực lượng tác chiến mới, tạo ra sự thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến,... để tiến hành chiến tranh với tính linh hoạt, hiệu quả và khả năng tiêu diệt các mục tiêu của đối phương có độ chính xác cao.

đ) Kết quả tổng kết thi hành pháp luật về PKND đã chỉ ra một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và nội dung chưa đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, như: Việc huy động các tổ chức, cá nhân và Nhân dân tham gia vào các hoạt động PKND như phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả và tham gia quản lý bảo vệ vùng trời, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động phòng không sẽ hạn chế về quyền con người, quyền công dân, song nội dung này chưa được quy định trong văn bản luật; chưa quy định việc tổ chức xây dựng lực lượng PKND trong các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, các công trình năng lượng lớn của quốc gia. Một số cơ chế, chính sách chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ đến tổ chức, hoạt động của công tác PKND, công tác bảo đảm cho hoạt động PKND còn nhiều bất cập; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ chưa đáp ứng kịp với tốc độ phát triển, nhu cầu khai thác, sử dụng và công tác quản lý. Bên cạnh đó công tác quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không, độ cao giới hạn chướng ngại vật phòng không xung quanh các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam còn hạn chế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

a) Tạo khung pháp lý chung cho việc xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động PKND; quản lý các hoạt động liên quan đến tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ và bảo đảm an toàn phòng không, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về PKND.

b) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội để phát triển kinh tế đất nước, kiên quyết, kiên trì bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

a) Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng; sự điều hành thống nhất của Chính phủ; sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Quốc phòng; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các bộ, ngành trung ương và địa phương trong xây dựng,

huy động, tổ chức hoạt động công tác PKND.

b) Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X, Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI và Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

c) Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp, Luật Quốc phòng, Luật Dân quân tự vệ, Luật Lực lượng dự bị động viên, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về công tác PKND đã được thực tiễn kiểm nghiệm vẫn còn phù hợp, đồng thời bổ sung những quy định mới để giải quyết những vấn đề thực tiễn yêu cầu về công tác PKND đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

đ) Tinh gọn bộ máy chỉ đạo, chỉ huy, quản lý, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; không làm phát sinh chi phí cũng như *“tổ chức bộ máy”*, không tăng *“biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước”*, sử dụng lực lượng đã có sẵn để kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ PKND.

e) Phù hợp với thực tiễn và xu thế tác chiến phòng không hiện nay, phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nguồn lực của đất nước để xây dựng, tổ chức hoạt động PKND. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ mật thiết giữa lực lượng Phòng không - Không quân, Phòng không lực quân và PKND trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ vùng trời, không để chồng chéo nhiệm vụ của các lực lượng nêu trên.

g) Bảo đảm tương thích với quy định của Công ước Hàng không dân dụng quốc tế, tuân thủ các quy định của ICAO và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Luật Phòng không nhân dân gồm 07 Chương với 47 Điều; bố cục cụ thể như sau:

1. Chương I. Quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8): Quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ, nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng không nhân dân; chính sách của Nhà nước về phòng không nhân dân; nhiệm vụ phòng không nhân dân; trọng điểm phòng không nhân dân; hành vi bị nghiêm cấm; trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

2. Chương II. Lực lượng phòng không nhân dân, gồm 03 mục, 09 điều (từ Điều 9 đến Điều 17)

- Mục 1. Chỉ đạo, chỉ huy phòng không nhân dân: Quy định về cơ quan chỉ đạo phòng không nhân dân; hoạt động chỉ đạo phòng không nhân dân; hệ thống chỉ huy phòng không nhân dân.

- Mục 2. Lực lượng phòng không nhân dân: Quy định về lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân; tổ chức lực lượng phòng không nhân dân.

- Mục 3. Huy động lực lượng phòng không nhân dân rộng rãi: Quy định về thời hạn huy động lực lượng rộng rãi; độ tuổi huy động lực lượng rộng rãi; quản lý lực lượng rộng rãi; thẩm quyền, trình tự huy động lực lượng rộng rãi.

3. Chương III. Hoạt động phòng không nhân dân, gồm 09 điều (từ Điều 18 đến Điều 26): Quy định về nội dung hoạt động phòng không nhân dân; xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân; xây dựng thể trận phòng không nhân dân; tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân; bồi dưỡng, tập huấn về phòng không nhân dân; huấn luyện phòng không nhân dân; diễn tập phòng không nhân dân; công trình phòng không nhân dân; hợp tác quốc tế về phòng không nhân dân.

4. Chương IV. Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và bảo đảm an toàn phòng không, gồm 02 mục, 13 điều (từ Điều 27 đến Điều 39)

- Mục 1. Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác: Quy định về nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; phân loại, điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; giấy phép điều khiển bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay

khác; chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; dự báo, thông báo, hiệp đồng, quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay.

- Mục 2. Bảo đảm an toàn phòng không: Quy định về công tác bảo đảm an toàn phòng không; quản lý, bảo vệ trận địa phòng không; quản lý chương ngại vật phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không.

5. Chương V. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, gồm 03 điều (từ Điều 40 đến Điều 42): Quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với phòng không nhân dân; quyền, nghĩa vụ của cá nhân đối với phòng không nhân dân; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

6. Chương VI. Nguồn lực, chế độ, chính sách cho phòng không nhân dân, gồm 03 điều (từ Điều 43 đến Điều 45): Quy định về nguồn lực cho hoạt động phòng không nhân dân; chế độ chính sách đối với người được huy động, tham gia hoạt động phòng không nhân dân; bảo đảm trang bị cho lực lượng phòng không nhân dân.

7. Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 46 và Điều 47): Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2013/QH13, Luật số 61/2014/QH13, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 18/2023/QH15; hiệu lực thi hành.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Những quy định chung (Chương I)

a) Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật PKND quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, lực lượng, hoạt động PKND; quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và bảo đảm an toàn phòng không; nguồn lực, chế độ, chính sách, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đối với PKND.

b) Một số khái niệm cơ bản (Điều 2)

Phòng không nhân dân là hoạt động của toàn dân do bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ và quân nhân dự bị làm nòng cốt, cùng với phòng không quốc gia, phòng không lực quân và các lực lượng khác chuẩn bị, ngăn ngừa, phòng tránh, đánh địch, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không trong khu vực phòng thủ, quản lý, bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc.

Thế trận phòng không nhân dân là hình thái tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, công trình phòng không nhân dân và nguồn

lực cần thiết cho từng địa bàn trong khu vực phòng thủ và phạm vi cả nước để thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Bên cạnh đó tại Điều 2 Luật PKND cũng một số khái niệm là đối tượng áp dụng của Luật như: Chương ngại vật phòng không; Trận địa phòng không; Công trình PKND; Tàu bay không người lái; Phương tiện bay khác; Chế áp.

c) Nguyên tắc tổ chức hoạt động PKND (Điều 3)

Luật PKND năm 2024 quy định 05 nguyên tắc xuyên suốt trong tổ chức hoạt động PKND, cụ thể:

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương; bảo đảm chủ động, kịp thời, hiệu quả, an toàn, có sự phân công, phân cấp, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng phòng không và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động PKND.

- Được chuẩn bị thường xuyên, liên tục từ thời bình và kịp thời triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền để quản lý, bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng PKND và thế trận PKND liên hoàn, rộng khắp, vững chắc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và xây dựng khu vực phòng thủ.

d) Chính sách của Nhà nước về PKND (Điều 4)

Điều 4 Luật PKND năm 2024 xác định: Bảo đảm nguồn lực của Nhà nước và huy động nguồn lực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ PKND; ưu tiên bổ sung ngân sách cho trọng điểm PKND, địa phương đặc biệt khó khăn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh để đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ vùng trời Tổ quốc. Đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho hoạt động PKND trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với pháp luật quốc tế.

đ) Nhiệm vụ PKND (Điều 5)

Luật PKND năm 2024 quy định PKND có 04 nhiệm vụ như sau:

- Huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phòng, chống địch đột nhập,

tiến công đường không và tham gia quản lý, bảo vệ vùng trời ở độ cao dưới 5.000 mét.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) Trọng điểm PKND (Điều 6)

Tại khoản 1 Điều 6 của Luật xác định: “Trọng điểm PKND là khu vực có khả năng địch tập trung tiến công đường không, bao gồm các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc những nơi có mục tiêu trọng điểm quốc gia, quân khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và những nơi được xác định trong phương án tác chiến phòng thủ các cấp.”

Từ khái niệm trọng điểm PKND như trên, Luật phân cấp trọng điểm PKND bao gồm: Trọng điểm PKND quốc gia; Trọng điểm PKND cấp tỉnh; Trọng điểm PKND cấp huyện. Đồng thời quy định thẩm quyền quyết định trọng điểm PKND được quy định như sau:

- + Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trọng điểm PKND quốc gia và cấp tỉnh;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trọng điểm PKND cấp huyện.

g) Hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7)

Luật quy định 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

- Trốn tránh, chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động, hoạt động và thực hiện trách nhiệm tham gia lực lượng PKND theo quy định tại Luật này.
- Huy động, sử dụng lực lượng, vũ khí, phương tiện, công trình PKND trái quy định của pháp luật.
- Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ PKND để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Cung cấp thông tin, chỉ điểm, quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ làm lộ mục tiêu trận địa, kế hoạch, trang bị kỹ thuật, các công trình chiến đấu.
- Phân biệt đối xử về giới trong thực hiện công tác PKND.
- Chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, sở hữu, khai thác, sử dụng

tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trái pháp luật.

- Xâm phạm, làm hư hỏng, phá hủy, chiếm đoạt trang bị, thiết bị, phương tiện, công trình PKND.

- Tạo chướng ngại vật cản trở hoạt động quản lý, bảo vệ vùng trời; thông báo, báo động sai hoặc chế áp các trang thiết bị PKND trái pháp luật.

- Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác để mang thiết bị, vũ khí, vật liệu nổ, chất cấm, hàng hóa trái pháp luật hoặc tuyên truyền, kích động, lôi kéo, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước.

- Các hành vi khác làm ảnh hưởng đến hoạt động PKND, an toàn bay, an toàn phòng không.

h) Trách nhiệm quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 8)

Luật quy định trách nhiệm chung theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp theo tinh thần đổi mới trong công tác xây pháp luật cụ thể:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về PKND và tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

- Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về PKND, tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

- Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về PKND, quản lý hoạt động bay có liên quan đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại địa phương.

2. Lực lượng PKND (Chương II)

a) Chỉ đạo, chỉ huy PKND (Mục 1, Chương II)

Luật PKND năm 2024 quy định rõ cơ quan chỉ đạo PKND, hoạt động chỉ đạo PKND và hệ thống chỉ huy PKND.

- Tại Điều 9 Luật quy định cụ thể về cơ quan chỉ đạo PKND, hệ thống tổ chức, cơ quan thường trực và giao Chính phủ quy định chi tiết vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo PKND các cấp. Cụ thể:

+ Cơ quan chỉ đạo PKND bao gồm: Chính phủ chỉ đạo PKND trên phạm vi cả nước; Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ chỉ đạo về PKND; Bộ Tư lệnh quân khu chỉ đạo về PKND trên địa bàn quân khu; Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện PKND tại địa phương.

+ Ban chỉ đạo PKND được tổ chức ở trung ương, quân khu và địa phương. Ban chỉ đạo PKND các cấp có nhiệm vụ tham mưu, giúp Cơ quan chỉ đạo PKND cấp tương ứng.

+ Bộ Quốc phòng là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND trung ương; Bộ Tham mưu quân khu là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND quân khu; cơ quan quân sự địa phương các cấp là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND cùng cấp.

- Tại Điều 10 Luật quy định cụ thể về hoạt động chỉ đạo PKND gồm:

+ Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về PKND.

+ Thực hiện nhiệm vụ PKND và các hoạt động PKND.

+ Huy động lực lượng và các nguồn lực bảo đảm cho nhiệm vụ PKND.

+ Sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ PKND.

- Tại Điều 11 Luật quy định cụ thể về hệ thống chỉ huy PKND và giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc cho chỉ huy PKND các cấp.

Trong đó xác định hệ thống chỉ huy PKND bao gồm:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

+ Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

+ Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức;

+ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

b) Lực lượng PKND (Mục 2 Chương II)

Luật PKND năm 2024 quy định rõ lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND và tổ chức lực lượng PKND. Cụ thể:

- Tại Khoản 1 Điều 12 Luật quy định lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND bao gồm: Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

- Lực lượng nòng cốt là lực lượng được tổ chức tại các đơn vị bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ và dự bị động viên (Khoản 2 Điều 12).

- Khoản 3 Điều 12 xác định lực lượng rộng rãi bao gồm:

+ Lực lượng được huy động gồm Dân quân tự vệ, quân nhân dự bị chưa được sắp xếp vào các đơn vị và lực lượng từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân để tham gia bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập, phục vụ chiến đấu, chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không và bảo đảm an toàn phòng không;

+ Lực lượng tự nguyện do quần chúng nhân dân tham gia để phục vụ chiến đấu, chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không và bảo đảm an toàn phòng không.

- Tổ chức lực lượng PKND được quy định tại Điều 13 Luật cụ thể:

+ Lực lượng PKND được tổ chức phù hợp với phương án tác chiến phòng thủ các cấp và trọng điểm PKND.

+ Trong thời bình, lực lượng nòng cốt được tổ chức như sau:

Lực lượng phòng không cấp tỉnh, cấp huyện gồm bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ phòng không, quân nhân dự bị chuyên ngành phòng không, lực lượng phòng không kiêm nhiệm của cơ quan quân sự địa phương và Bộ đội Biên phòng được tổ chức thành các đại đội, trung đội, khẩu đội; các đài, vọng quan sát phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

Lực lượng phòng không cấp xã do dân quân đảm nhiệm được tổ chức thành các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

Lực lượng phòng không ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tổ chức lực lượng tự vệ do lực lượng tự vệ đảm nhiệm được tổ chức phù hợp với quy mô, tổ chức, đặc điểm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh, lực lượng PKND được tổ chức như sau:

Lực lượng nòng cốt được tổ chức theo quy định về tổ chức, biên chế của bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc trong tình trạng chiến tranh;

Lực lượng rộng rãi được huy động phù hợp với nhiệm vụ phòng không của từng địa phương.

c) Huy động lực lượng PKND rộng rãi (Mục 3 Chương II)

- Tại Điều 14 Luật xác định rõ thời hạn huy động lực lượng rộng rãi

+ Trong thời bình, thời hạn huy động để tham gia bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập PKND hoặc diễn tập khu vực phòng thủ của địa phương không quá 07 ngày trong 01 năm.

+ Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh, thời hạn huy động thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Tại Điều 15 Luật quy định cụ thể độ tuổi huy động lực lượng rộng rãi. Độ tuổi tham gia lực lượng rộng rãi trong trường hợp được huy động thực hiện theo quy định về độ tuổi của Luật Dân quân tự vệ. Trường hợp tự nguyện tham gia và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì không giới hạn về độ tuổi.

Thẩm quyền quyết định kéo dài độ tuổi huy động được quy định tại khoản 2 Điều 15: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quyết định kéo dài độ tuổi huy động tham gia lực lượng rộng rãi theo quy định tại khoản 1 Điều này” .

- Quản lý lực lượng rộng rãi (Điều 16)

+ Căn cứ kết quả đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quân nhân dự bị hằng năm, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đăng ký, sắp xếp lực lượng rộng rãi phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng địa phương.

+ Thẩm quyền quản lý lực lượng rộng rãi được quy định như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã quản lý lực lượng rộng rãi cư trú tại địa phương;

Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự quản lý lực lượng rộng rãi thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Riêng lực lượng tự nguyện khoản 3 Điều 16 quy định: Nếu đáp ứng được yêu cầu thì cơ quan quân sự địa phương các cấp xem xét, sử dụng phù hợp với năng lực, nhu cầu, nhiệm vụ PKND tại địa phương.

- Tại Điều 17 Luật PKND năm 2024 quy định rõ thẩm quyền, trình tự huy động lực lượng rộng rãi

+ Việc huy động lực lượng rộng rãi được thực hiện theo kế hoạch PKND của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Cơ quan quân sự địa phương, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc chỉ huy tự vệ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi không có Ban Chỉ huy quân sự xây dựng kế hoạch huy động, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định huy động lực lượng PKND theo đề nghị của cơ quan quân sự địa phương cùng cấp. Người đứng đầu doanh nghiệp ban hành quyết định huy động lực lượng PKND theo đề nghị của Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự;

+ Cơ quan quân sự địa phương các cấp, Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự thông báo quyết định huy động lực lượng PKND đến từng cá nhân có liên quan của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Cơ quan quân sự địa phương các cấp tiếp nhận, tổ chức, sử dụng lực lượng PKND được huy động theo kế hoạch.

3. Hoạt động PKND (Chương III)

a) Nội dung hoạt động PKND (Điều 18).

- Khoản 1 Điều 18 Luật PKND năm 2024 quy định nội dung hoạt động PKND trong thời bình bao gồm: Chỉ đạo, chỉ huy PKND; xây dựng kế hoạch PKND; xây dựng lực lượng, thể trận PKND; tuyên truyền, giáo dục, xây dựng mô hình điểm về PKND; bồi dưỡng, tập huấn về PKND; huấn luyện, hội thi, hội thao PKND; diễn tập PKND; xây dựng công trình PKND; tổ chức đài, vọng quan sát, thông báo, báo động phòng không, sẵn sàng đánh địch đột nhập, tiến công đường không; quản lý hoạt động của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; bảo đảm an toàn phòng không; khắc phục hậu quả sự cố trong PKND; hợp tác quốc tế về PKND.

- Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh hoạt động PKND thực hiện các nội dung trong thời bình và thêm các nội dung sau: Trinh sát, quan sát phát hiện, thông báo, báo động PKND; quan sát diễn biến tiến công đường không của địch; nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng, tránh, đánh địch đột nhập, tiến công đường không, vây bắt giặc lái, thu giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của địch; phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả do địch đột nhập, tiến công đường không.

b) Xây dựng kế hoạch PKND (Điều 19)

Điều 19 Luật PKND năm 2024 quy định:

- Kế hoạch PKND được xây dựng 05 năm một lần và được điều chỉnh, bổ sung khi có thay đổi quyết tâm tác chiến phòng thủ hoặc thay đổi người chỉ huy lực lượng PKND. Kế hoạch PKND các cấp được quy định như sau:

+ Kế hoạch PKND quân khu do Bộ Tham mưu xây dựng, trình Tư lệnh quân khu phê duyệt;

+ Kế hoạch PKND của địa phương do cơ quan quân sự địa phương chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt;

+ Kế hoạch PKND của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tổ chức tự vệ do Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với những nơi không có Ban Chỉ huy quân sự xây dựng theo hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt.

- Căn cứ xây dựng kế hoạch PKND bao gồm:

+ Đường lối, chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận khu vực phòng thủ;

+ Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Quyết tâm tác chiến phòng thủ của địa phương, mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên;

+ Địa hình, khí hậu, vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật phòng không được biên chế, công trình, trận địa phòng không và lực lượng PKND của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Dự báo, đánh giá tình hình khả năng tác chiến đường không của địch.

- Nội dung kế hoạch PKND bao gồm: Đánh giá tình hình; nhiệm vụ PKND; ý định thực hiện nhiệm vụ PKND; nhiệm vụ của các thành phần liên quan; tổ chức chỉ đạo, điều hành; hiệp đồng bảo đảm; các mốc thời gian chính.

c) Xây dựng thế trận PKND (Điều 20)

- Cơ quan quân sự địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xác định và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định xây dựng thế trận PKND của địa phương.

- Yêu cầu xây dựng thế trận PKND bao gồm:

+ Thế trận PKND phải được xây dựng từ thời bình;

+ Bảo đảm tính liên hoàn, rộng khắp, vững chắc có chiều sâu để đánh

định trên mọi hướng, mọi tầng, từ xa đến gần;

- + Phù hợp với thể trận phòng thủ của địa phương.
- Nội dung xây dựng thể trận PKND bao gồm:
 - + Xây dựng công trình PKND;
 - + Xây dựng, thực hiện đề án, dự án về PKND;
 - + Xác định, xây dựng khu vực sơ tán, phân tán lực lượng, phương tiện ở từng cấp trong khu vực trọng điểm PKND;
 - + Xây dựng phương án tác chiến PKND, phương án bảo đảm phục vụ PKND trong khu vực phòng thủ các cấp;
 - + Xác định công trình lương dụng để phục vụ nhiệm vụ PKND khi cần thiết.

d) Tuyên truyền, giáo dục về PKND (Điều 21)

- Công dân được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PKND; được trang bị kiến thức về PKND theo quy định của pháp luật.
- Nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về PKND được đưa vào môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

đ) Bồi dưỡng, tập huấn về PKND (Điều 22)

- Lực lượng nòng cốt được bồi dưỡng, tập huấn theo chương trình cho từng đối tượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
- Lực lượng rộng rãi được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ PKND theo kế hoạch hoạt động PKND của địa phương.
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ phối hợp, hiệp đồng với cơ quan quân sự địa phương để bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm cho nhiệm vụ PKND.
- Nội dung bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ PKND do người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo, chỉ huy PKND quyết định.

e) Huấn luyện PKND (Điều 23).

- Điều 23 Luật PKND quy định việc huấn luyện, tham gia hội thi, hội thao của lực lượng PKND nòng cốt được thực hiện theo mệnh lệnh, chỉ thị hằng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối

với bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình huấn luyện PKND.

g) Diễn tập PKND (Điều 24).

- Khoản 1 Điều 24 Luật PKND quy định diễn tập PKND như sau:

- + Cơ quan quân sự địa phương các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức diễn tập PKND hoặc diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung PKND;

- + Các Bộ, ngành trung ương chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với cơ quan quân sự trên địa bàn thực hiện nội dung diễn tập PKND theo kế hoạch của địa phương.

- Nội dung diễn tập PKND bao gồm: Chỉ huy tham mưu PKND; tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không; tổ chức nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng tránh; tổ chức đánh địch đột nhập, tiến công đường không; xử lý, chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác vi phạm quy định của Luật PKND; tổ chức phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả do địch đột nhập, tiến công đường không và vây bắt giặc lái.

- Luật giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy trình, nội dung diễn tập PKND.

h) Công trình PKND (Điều 25)

- Khoản 1 Điều 25 Luật PKND quy định công trình PKND bao gồm: Công trình PKND chuyên dụng và công trình PKND lưỡng dụng theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Công trình khác có công năng sử dụng cho PKND.

Trong đó, công trình PKND chuyên dụng bao gồm:

- + Hệ thống công sự, trận địa phòng không, vị trí chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

- + Đài, vọng quan sát, trinh sát, thông báo, báo động phòng không;

- + Công trình trú ẩn bảo đảm cho nhiệm vụ sơ tán, phòng tránh khi địch đột nhập, tiến công đường không.

- Việc xây dựng công trình PKND chuyên dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch, gắn với thể trận phòng thủ của cấp tỉnh, cấp huyện; bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với thể trận PKND.

- Công trình PKND phải bảo đảm an toàn phòng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và quy định của pháp luật về xây dựng công trình

quốc phòng; công trình PKND xây dựng ở khu vực biên giới phải bảo đảm phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định xây dựng công trình PKND chuyên dụng; nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thì do Ủy ban nhân dân quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định vị trí sơ tán, phân tán các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xác định các khu vực, phương án sơ tán, phòng tránh cho người lao động và nơi cất giữ tài sản theo kế hoạch PKND của địa phương.

- Trong trường hợp cần thiết hoặc trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, công trình khác có công năng sử dụng cho PKND được trưng dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ PKND.

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan thẩm định việc xây dựng các công trình PKND; công trình lưỡng dụng để sẵn sàng trưng dụng cho nhiệm vụ PKND.

i) Hợp tác quốc tế về PKND (Điều 26).

- Điều 26 Luật PKND năm 2024 xác định: Hợp tác quốc tế về PKND được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

- Nội dung hợp tác quốc tế về PKND bao gồm: Ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan đến PKND; thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế về PKND; đào tạo, nghiên cứu, quản lý, ứng dụng khoa học và công nghệ về PKND, tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; hoạt động hợp tác quốc tế khác về PKND.

4. Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Mục 1 Chương IV)

a) Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 27).

- Điều 27 Luật PKND quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh tàu bay không người lái,

phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết khoản này.

3. Bộ Công Thương cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Việc ủy thác nhập khẩu tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chỉ được thực hiện khi bên nhận ủy thác có giấy phép, đáp ứng điều kiện nhập khẩu trước khi ký hợp đồng ủy thác.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 3 và 4 Điều này.”

b) Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 29).

- Tổ chức, cá nhân nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại Việt Nam phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành hoặc công nhận (Đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an quản lý phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành) và phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng do Bộ Quốc phòng cấp, trừ các cơ sở do Bộ Công an quản lý.

- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận khi cơ sở đó không còn đủ điều kiện theo quy định của Luật này.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đáp ứng đủ các điều kiện: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh do Bộ Quốc phòng cấp, trừ các cơ sở do Bộ Công an quản lý; đáp ứng quy định của ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Việc đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Trình tự, thủ tục ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Chính phủ quy định.

c) Đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 29).

- Khoản 1 Điều 29 Luật PKND năm 2024 quy định: “Tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải được đăng ký trước khi đưa vào khai thác, sử dụng”.

- Điều kiện đăng ký: Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc công nhận; có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác nhập khẩu, ngoài các điều kiện trên phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật khi nhập khẩu vào Việt Nam.

- Nội dung đăng ký bao gồm: Cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký; Đăng ký tạm thời; Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký.

- Thẩm quyền đăng ký được quy định như sau:

+ Cơ quan Công an đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

+ Thẩm quyền đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Quốc phòng quản lý thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

+ Bộ Công an cung cấp thông tin đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác cho Bộ Quốc phòng để phối hợp quản lý.

d) Cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều

30)

- Luật PKND quy định: “1. Việc cấp phép bay phải phù hợp với thông số kỹ thuật, mục đích sử dụng của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, khả năng quản lý, điều hành, giám sát hoạt động bay và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn hàng không và lợi ích công cộng.”

- Thẩm quyền cấp phép bay được quy định như sau:

+ Bộ Quốc phòng cấp phép bay hoặc phân cấp cho đơn vị thuộc quyền cấp phép bay, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

+ Bộ Công an cấp phép bay hoặc phân cấp cho đơn vị thuộc quyền cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an và thông báo đến Bộ Quốc phòng để phối hợp quản lý. Trường hợp cấp phép bay trong khu vực cấm bay, hạn chế bay và các khu vực khác có ảnh hưởng đến hoạt động bay của tàu bay quân sự thì phải được sự đồng ý của Bộ Quốc phòng;

+ Trường hợp Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cấp phép bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay và các khu vực khác có ảnh hưởng đến hoạt động bay của tàu bay dân dụng thì phải được sự đồng ý của Bộ Giao thông vận tải.

- Các trường hợp sau đây được miễn cấp phép bay theo quy định của Luật PKND: Hoạt động ngoài khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, phạm vi hoạt động trong tầm nhìn trực quan bằng mắt thường, có trọng lượng cất cánh tối đa nhỏ hơn 0,25 kg để phục vụ vui chơi giải trí; Hoạt động trong trường hợp khẩn cấp để bảo vệ tính mạng, tài sản của tổ chức, cá nhân theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng phải thông báo đến cơ quan quản lý hoạt động bay trước khi bay.

đ) Phân loại, điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 31).

- Khoản 1 Điều 31 quy định: “Tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được phân loại căn cứ vào thông số kỹ thuật và mục đích sử dụng.”

- Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đảm bảo các điều kiện sau thì được khai thác, sử dụng:

+ Phải được cấp phép bay, trừ trường hợp được miễn cấp phép bay;

+ Phải dự báo, thông báo, hiệp đồng bay và được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

+ Người trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và có Giấy phép

điều khiển bay phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy phép của nước ngoài cấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép điều khiển bay của Việt Nam công nhận, trừ trường hợp được miễn cấp phép bay quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 của Luật này;

+ Đối với người nước ngoài trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại Việt Nam, ngoài các quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải có đại diện tổ chức hoặc cá nhân là người Việt Nam bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

+ Đối với người điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chuyên dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều kiện được khai thác, sử dụng.

e) Giấy phép điều khiển bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 32)

- Giấy phép điều khiển bay bao gồm các loại: Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng thiết bị và Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng trực quan.

- Trường hợp được miễn cấp phép bay (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 của Luật này) thì không cần phải có Giấy phép điều khiển bay.

- Cá nhân được cấp giấy phép điều khiển bay phải được đào tạo kiến thức về hàng không và kỹ năng thực hành điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

g) Đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 33)

- Khoản 1 Điều 33 Luật PKND năm 2024 quy định các trường hợp bị đình chỉ bay⁶.

- Khoản 2 Điều 33 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể thẩm quyền đình chỉ bay như sau:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong vùng trời, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an đã thông báo với Bộ Quốc phòng theo quy định;

⁶ Bay không đúng nội dung được cấp phép bay; vì lý do quốc phòng, an ninh và an toàn bay; người điều khiển không đủ điều kiện điều khiển bay; tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chưa đăng ký hoặc không đúng theo đăng ký; vi phạm điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Bộ trưởng Bộ Công an đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an cấp phép hoặc phương tiện bay xâm phạm mục tiêu do Bộ Công an bảo vệ;

+ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Tư lệnh quân khu đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Chỉ huy đơn vị Công an đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do cơ quan Công an cấp phép hoặc các chuyến bay, phương tiện bay khác xâm phạm mục tiêu do đơn vị Công an bảo vệ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Trên cùng một địa bàn, khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ, lực lượng nào phát hiện trước hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì được quyền đình chỉ bay theo quy định của pháp luật.

h) Chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 34)

- Khoản 2 Điều 34 Luật PKND năm 2024 quy định các trường hợp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác bị chế áp, tạm giữ⁷.

- Khoản 2 Điều 34 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể thẩm quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác:

⁷ Bay khi chưa được cấp phép bay; bay vào khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay khi chưa được phép; không tuân thủ yêu cầu đình chỉ bay quy định tại Điều 33 của Luật này; Xâm phạm khu vực cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay dân dụng, tàu bay quân sự; Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tuyên truyền, kích động, lôi kéo, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác; Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác mang theo thiết bị, vũ khí, vật liệu nổ, chất cấm, vận chuyển hàng hóa trái pháp luật; Trường hợp đặc biệt khác khi có lệnh của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

+ Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý;

+ Chỉ huy lực lượng an ninh hàng không, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn, khu vực quản lý;

+ Chỉ huy các đơn vị Quân đội, Công an được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác xâm phạm khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ;

+ Tổ trưởng Tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ khi phát hiện các phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

- Trên cùng một địa bàn, khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ, lực lượng nào phát hiện trước hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì được quyền chế áp, tạm giữ sau đó bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trình tự, thủ tục chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Chính phủ quy định.

i) Dự báo, thông báo, hiệp đồng, quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay (Điều 35)

- Khoản 1 Điều 35 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể việc dự báo, thông báo, hiệp đồng bay. Theo đó, tổ chức, cá nhân khi thực hiện chuyến bay cho tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải chấp hành quy định về dự báo, thông báo, hiệp đồng bay; chịu trách nhiệm về các thông tin trong dự báo, thông báo, hiệp đồng bay. Trung tâm Quản lý điều hành bay quốc gia, Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân và các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý thông tin về cấp phép bay, dự báo, thông báo, hiệp đồng bay.

Bộ Công an khi thực hiện chuyến bay cho tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an cấp phép phải thông báo hiệp đồng bay đến Bộ Quốc phòng;

Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin về cấp phép bay, dự báo, thông báo, hiệp đồng bay tại khu vực, mục tiêu do Bộ Công an quản lý khi có yêu cầu của Bộ Công an.

- Khoản 2 Điều 35 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể việc quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay. Trung tâm Quản lý vùng trời, các trung tâm quản lý điều hành bay thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý vùng trời, quản lý, điều hành và giám sát hoạt động bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong vùng trời Việt Nam. Các quân khu, cơ quan quân sự các cấp, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý vùng trời, giám sát hoạt động bay và việc chấp hành các quy định về tổ chức bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi quản lý. Các đơn vị Công an khi tổ chức hoạt động bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác có trách nhiệm điều hành và giám sát hoạt động bay của mình theo quy định về công tác quản lý vùng trời, quản lý điều hành bay.

5. Bảo đảm an toàn phòng không (Mục 2 Chương IV)

- Khoản 2 Điều 36 Luật PKND xác định nội dung bảo đảm an toàn phòng không bao gồm: Quản lý, bảo vệ trận địa phòng không; Quản lý chướng ngại vật phòng không; Xác định tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không.

- Khoản 1 Điều 37 Luật PKND xác định phạm vi bảo vệ trận địa phòng không thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Các công trình công cộng, dân sinh khi xây dựng, vận hành không được làm hạn chế hoặc ảnh hưởng đến việc phát huy hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

- Quản lý chướng ngại vật phòng không là việc thống kê, đánh dấu, công bố, quản lý, sử dụng khoảng không và xử lý các chướng ngại vật có thể ảnh hưởng đến việc phát huy hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không (Khoản 1 Điều 38).

- Tại Điều 38 Luật PKND cũng xác định: Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng; Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình công cộng, dân sinh; Các công trình công cộng, dân sinh khi xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về phạm vi bảo vệ, độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định các bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của đài, vọng quan sát phòng không và chướng ngại vật có thể ảnh hưởng

đến hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không. Chính phủ quy định phạm vi và độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không.

- Tại Điều 39 Luật PKND cũng quy định: Tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không⁸. Luật giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

6. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (Chương V)

a) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND (Điều 40)

- Khoản 1 Điều 40 Luật PKND xác định cụ thể quyền cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND bao gồm: Tiếp cận thông tin về PKND do các cơ quan có thẩm quyền ban hành; Tham gia xây dựng kế hoạch PKND tại địa phương khi có yêu cầu; Tham gia đầu tư xây dựng công trình PKND; Được hỗ trợ, bồi thường khi bị thiệt hại do thực hiện nhiệm vụ PKND theo quy định của pháp luật.

- Bên cạnh đó Khoản 2 Điều 40 Luật cũng quy định cụ thể nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND như: Tuyên truyền, vận động Nhân dân... về PKND; Chấp hành quyết định huy động lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND; Thực hiện kế hoạch PKND của địa phương, các phương án phòng, tránh địch đột nhập, tiến công đường không; tham gia bảo vệ công trình PKND.

b) Quyền và nghĩa vụ của cá nhân đối với PKND (Điều 41)

- Khoản 1 Điều 41 Luật PKND xác định cụ thể quyền của cá nhân đối với PKND như: Được thông tin các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ PKND theo quy định; Tham gia hoạt động PKND trong diễn tập khu vực phòng thủ...; Được hưởng tiền công lao động khi được huy động tham gia thực hiện nhiệm vụ PKND theo quyết định huy động của người có thẩm quyền; Trong thời gian huy động thực hiện nhiệm vụ PKND được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 44 của Luật này; sau khi hoàn thành nhiệm vụ huy động, công dân được tiếp tục bố trí công việc phù hợp, không thấp hơn vị trí công tác trước khi được huy động; Tự nguyện tham gia lực lượng PKND khi được người có thẩm quyền cho phép; được hưởng chế độ, chính sách như lực lượng PKND được huy động.

- Khoản 2 Điều 41 Luật PKND xác định cụ thể nghĩa vụ của cá nhân đối với PKND như: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ PKND theo kế hoạch của địa

⁸ Tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không bao gồm các thông số kỹ thuật để đánh giá độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Chấp hành đúng quyết định điều động, huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho nhiệm vụ PKND; Thực hiện hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện các biện pháp phòng tránh dịch đột nhập, tiến công đường không; Tuyên truyền, vận động gia đình, quần chúng nhân dân chấp hành quy định của pháp luật về PKND.

c) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 42)

- Khoản 1 Điều 42 Luật PKND quy định cụ thể quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác như: Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp chứng nhận hoặc giấy phép nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Luật này; Được tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; được cấp giấy phép đủ điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Chính phủ.

- Khoản 2 Điều 42 Luật PKND quy định cụ thể nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác như: Tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; Đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, về tần số vô tuyến điện và quy định của pháp luật về thu thập, quản lý dữ liệu; không gây nhiễu có hại đến an toàn bay... Bảo đảm an ninh, an toàn trong tổ chức các hoạt động bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

7. Nguồn lực, chế độ, chính sách cho PKND (Chương VI)

- Điều 43 Luật PKND xác định: Nguồn tài chính cho hoạt động PKND bao gồm: Ngân sách nhà nước; Nguồn đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; Nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Chế độ, chính sách đối với người được huy động, tham gia hoạt động PKND quy định cụ thể tại Điều 44 Luật PKND. Nổi bật là: “Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được huy động làm nhiệm vụ PKND tại địa phương, cơ quan, tổ chức được hưởng nguyên lương, các loại phụ cấp hiện hưởng và được hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu xe theo quy định của pháp luật”; “Người không

hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được huy động tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ PKND theo quyết định của cấp có thẩm quyền... được Nhà nước chi trả tiền công lao động theo ngày huy động đảm bảo không thấp hơn mức tiền công hiện hưởng ”... và nhiều chính sách ưu đãi khác.

- Bảo đảm trang bị cho lực lượng PKND (Điều 45). Lực lượng PKND được trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, quản lý, bảo vệ vùng trời, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động phòng không và phương tiện chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục trang bị cho lực lượng PKND.

8. Điều khoản thi hành (Chương VII)

- Tại Điều 46 Luật PKND năm 2024 quy định: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2013/QH13, Luật số 61/2014/QH13, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 18/2023/QH15.

- Hiệu lực thi hành: Luật PKND năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (L.H.Tùng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG